

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46 /2006/QĐ-UBND Tuyên Quang, ngày 21 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2007
và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 151/2006/QĐ-TTg ngày 29/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND₁₆ ngày 20/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 6 về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 712/TTr-STC ngày 17/5/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010.

Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 của Quyết định này là cơ sở để lập, chấp hành và quyết toán ngân sách của các cấp ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) và của từng đơn

vị dự toán từ niên độ ngân sách 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương đều hết hiệu lực thi hành.

Các ông (bà): Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *lcl.*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội địa phương;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Như điều 3: (thực hiện);
- Các CV VP UBND tỉnh;
- Lưu VT. (D.270)

Báo
cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Châu Văn Lâm
Châu Văn Lâm

ĐỊNH MỨC

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2007 VÀ THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2007-2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2006/QĐ-UBND
ngày 21 /8/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I - HỆ THỐNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2007 VÀ THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2007 -2010.

A - Nhóm định mức phân bổ bao gồm tiền lương, các khoản có tính chất như lương, các khoản đóng góp 19% và chi cho các hoạt động thường xuyên khác:

- Nhóm định mức phân bổ này: Đã bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích nộp 19% theo lương tính theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 và Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ; tiền tăng lương theo ngạch bậc hàng năm; chi hoạt động thường xuyên; chi nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên, chi đoàn ra, đoàn vào, chi mua sắm, sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng định kỳ tài sản và các hoạt động thường xuyên khác.

- Các khoản chi không tính trong định mức phân bổ này bao gồm: Chi nghiệp vụ đặc thù, chi mua sắm lớn tài sản cố định, chi nâng cấp (cải tạo, sửa chữa lớn) cơ sở vật chất.

1. Định mức phân bổ dự toán chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

| Số TT | CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NĂM 2007 |
|-------|--|----------------------|---------------------------|
| I | Định mức chi cho giáo viên | Tr.đồng/biên chế/năm | |
| 1 | Các trường khối tỉnh | " | |
| | - Trường Cao đẳng Sư phạm; Trường Chính trị tỉnh; Trường THPT Dân tộc nội trú. | " | 32,0 |
| | - Trường TH Y tế; Trường Kỹ nghệ; Trường KTKT; Trung tâm Giáo dục thường xuyên; Trung tâm tin học. | " | 28,0 |
| 2 | Các trường khối huyện, thị | | |
| | - Huyện Na Hang | " | 32,0 |
| | - Các huyện: Hàm Yên; Yên Sơn. | " | 30,5 |

| | | | |
|-----------|---|----------------------|------|
| | - Các huyện: Chiêm Hoá; Sơn Dương và Thị xã Tuyên Quang | " | 29,5 |
| II | Định mức chi đào tạo cho học sinh, sinh viên (không bao gồm chế độ học bổng) | | |
| 1 | Học sinh hệ đào tạo (Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Chính trị tỉnh) | Tr.đồng/học sinh/năm | 2,1 |
| 2 | Học sinh trung học phổ thông dân tộc nội trú | " | 1,2 |

- Định mức trên đã bao gồm: Kinh phí để chi trả các chế độ, chính sách cho giáo viên hệ đào tạo và giáo dục phổ thông theo khu vực bao gồm: Chi lương, chi thường xuyên, các khoản phụ cấp theo khu vực và phụ cấp đứng lớp, các khoản trích nộp theo quy định (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền lương và Bảo hiểm xã hội cho giáo viên mầm non dân nuôi theo quy định của tỉnh); Chi nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, tổ chức thi các cấp của ngành giáo dục phổ thông; chi đào tạo, bồi dưỡng tại Trung tâm chính trị các huyện, thị xã và thực hiện chi trả các chế độ về công tác phổ cập giáo dục.

- Định mức trên chưa bao gồm: Chi từ nguồn thu học phí để lại theo quy định và chi từ nguồn thu phí dự thi, dự tuyển; Chi bổ sung chênh lệch phụ cấp ưu đãi và phụ cấp thu hút theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Định mức phân bổ dự toán chi cho sự nghiệp y tế :

| Số TT | CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NĂM 2007 |
|-------|--|----------------------|---------------------------|
| 1 | Phòng bệnh, phòng dịch | Tr.đồng/biên chế/năm | |
| a | Đơn vị cấp tỉnh | " | |
| | - Từ 01 đến biên chế thứ 10 | " | 33,0 |
| | - Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20 | " | 31,0 |
| | - Từ biên chế thứ 21 trở lên | " | 29,0 |
| b | Trung tâm y tế dự phòng các huyện, thị xã | Tr.đồng/biên chế/năm | |
| | - Huyện Na Hang | " | 31,0 |
| | - Huyện Chiêm Hoá | " | 30,5 |
| | - Các huyện: Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương và Thị xã Tuyên Quang | " | 30,0 |

| | | | |
|----------|---|------------------------------|------|
| 2 | Chữa bệnh | Tr. đ/giường bệnh/năm | |
| a | Tuyến tỉnh | " | |
| | - Bệnh viện Đa khoa Tuyên quang | " | 33,9 |
| | - Bệnh viện Y học Dân tộc | " | 23,5 |
| | - Bệnh viện điều dưỡng suốt khoáng Mỹ lâm | Tr.đ/giường bệnh/năm | 18,9 |
| | - Bệnh viện Lao | " | 27,1 |
| | - Trung tâm Hương sen | " | 18,1 |
| b | Tuyến huyện | " | |
| | - Huyện Na Hang | " | 28,2 |
| | - Huyện Chiêm Hoá | " | 26,5 |
| | - Các huyện: Yên Sơn, Hàm Yên, Sơn Dương | " | 25,5 |

- Định mức trên đã bao gồm: Chi lương và các khoản phụ cấp có tính chất như lương (tiền trực theo Quyết định số 155/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ; phụ cấp ưu đãi theo Nghị định số 276/2005/QĐ-TTg ngày 01/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ); các khoản trích nộp 19% và nguồn thực hiện chi trả cho nâng lương, nâng ngạch hàng năm theo quy định.

- Định mức trên chưa bao gồm:

+ Chi từ nguồn thu một phần viện phí để lại theo quy định.

+ Kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo và kinh phí khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi (Được cấp qua Sở Y tế để cấp cho các huyện, thị xã thực hiện theo hình thức uỷ quyền).

3. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã:

| Số TT | CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NĂM 2007 |
|----------|---|-----------------------|---------------------------|
| 1 | Các đơn vị dự toán cấp tỉnh: | | |
| | - Từ 01 đến 10 biên chế | Tr. đồng/biên chế/năm | 36,5 |
| | - Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20 | " | 35,5 |
| | - Từ biên chế thứ 21 trở lên | " | 33,5 |
| 2 | Các đơn vị dự toán cấp huyện, thị xã | | |

| | | | |
|--|---|-----------------------|------|
| | - Huyện Na Hang | Tr. đồng/biên chế/năm | 33,5 |
| | - Huyện Chiêm Hoá | " | 32,3 |
| | - Các huyện: Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương, và Thị xã Tuyên Quang | " | 31,4 |

3.1/ Một số đơn vị dự toán cấp tỉnh thuộc khối tổng hợp có tính chất công việc đặc thù, đề nghị được phép nhân thêm hệ số hợp lý để đảm bảo nguồn thực hiện chi cho các hoạt động chuyên môn thường xuyên, như sau:

- Hệ số 1,4: Văn phòng Tỉnh uỷ (Bao gồm: các Ban Đảng và Văn phòng Tỉnh uỷ).

- Hệ số 1,3 gồm: Văn phòng HĐND và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang; Văn phòng UBND tỉnh

- Hệ số 1,2 gồm: Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chi cục Kiểm lâm.

3.2/ Các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo Quyết định số 21/2003/QĐ-TTg ngày 29/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước.

4. Định mức phân bổ dự toán chi cho sự nghiệp văn hoá - thể thao; sự nghiệp phát thanh và truyền hình:

| Số TT | CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHỐI VĂN XÃ | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NĂM 2007 |
|-------|--|-------------------|---------------------------|
| I | Sự nghiệp Văn hoá, thông tin; Thể dục Thể thao | Tr.đ/biên chế/năm | |
| 1 | Các đơn vị dự toán cấp tỉnh | " | |
| | - Từ 01 đến biên chế thứ 10 | " | 30,0 |
| | - Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20 | " | 29,0 |
| | - Từ biên chế thứ 21 trở lên | " | 28,0 |
| 2 | Các đơn vị dự toán cấp huyện, thị xã | " | |
| | - Huyện Na Hang | " | 28,0 |
| | - Huyện Chiêm Hoá | " | 27,5 |

| | | | |
|-----------|--|-------------------|------|
| | - Các huyện: Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương và Thị xã Tuyên Quang | Tr.đ/biên chế/năm | 26,5 |
| II | Sự nghiệp Phát thanh – Truyền hình và sự nghiệp khác | " | |
| 1 | Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh | " | 33,0 |
| 2 | Đài Phát thanh - Truyền hình các huyện, thị xã | " | |
| | - Huyện Na Hang | " | 25,0 |
| | - Huyện Chiêm Hoá | " | 24,5 |
| | - Huyện: Hàm Yên, Sơn Dương | " | 24,0 |
| | - Huyện Yên Sơn, Thị xã Tuyên Quang | " | 23,5 |
| | | | |

- Định mức phân bổ cho Sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình các huyện, thị xã đã bao gồm chi lương và các khoản phụ cấp có tính chất như lương, chi tiền trực, tiền điện tăng thêm, và tiền nhuận bút.

Riêng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh ngoài định mức phân bổ trên còn được bổ sung nguồn để thực hiện chi trả tiền nhuận bút, hỗ trợ chương trình phát sóng tiếng dân tộc và hỗ trợ tiền điện sáng cột Anten.

5- Định mức phân bổ chi cho sự nghiệp đảm bảo xã hội :

5.1/ Định mức phân bổ chi thường xuyên cho Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh: 28 triệu đồng/biên chế/năm.

5.2/ Định mức phân bổ chi thường xuyên cho các huyện, thị xã như sau:

- Các huyện: Chiêm Hoá, Yên Sơn., Sơn Dương: 350 tr.đồng/huyện/năm.

- Huyện Na Hang, huyện Hàm Yên và Thị xã Tuyên Quang: 250 tr.đồng/huyện, thị xã/năm.

Mức phân bổ trên bao gồm: chi trợ cấp thường xuyên cho người cao tuổi; chi trợ cấp đột xuất và chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội khác.

Mức phân bổ trên chưa bao gồm: chi trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng theo Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 08/3/2000 của Chính phủ về chính sách cứu trợ xã hội.

a/ Kinh phí thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách (gia đình thương binh, bệnh binh, liệt sỹ, người có công,...) vào ngày lễ, ngày tết được cấp từ nguồn kinh phí uỷ quyền qua Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

b/ Kinh phí thực hiện chế độ theo quy định đối với các đối tượng bị nhiễm chất độc màu da cam được cấp uỷ quyền trực tiếp cho các Phòng Nội vụ - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã thực hiện chi trả theo quy định.

6. Định mức phân bổ dự toán chi cho sự nghiệp kinh tế

| Số TT | CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NĂM 2007 |
|-------|--|-------------------|---------------------------|
| 1 | Các đơn vị khối tỉnh | Tr.đ/biên chế/năm | |
| | - Từ 01 đến biên chế thứ 10 | " | 32,0 |
| | - Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20 | " | 28,0 |
| | - Từ biên chế thứ 21 trở lên | " | 26,0 |
| 2 | Các đơn vị khối huyện, thị xã | " | |
| | - Khuyến nông cụm xã | " | 22,0 |
| | - Sự nghiệp kinh tế khác | " | 26,0 |

7. Định mức phân bổ dự toán chi cho hoạt động khối xã, phường, thị trấn:

- Các xã vùng thấp : 525,4 triệu đồng/xã/năm
- Các xã vùng cao, vùng sâu xa : 554,0 triệu đồng/xã/năm
- Các phường thuộc thị xã Tuyên Quang : 660,8 triệu đồng/phường/năm

7.1/ Định mức trên đã bao gồm: Tiền lương, phụ cấp, các khoản phải nộp 19% cán bộ công chức xã, cán bộ chuyên trách, không chuyên trách xã và cán bộ không chuyên trách thôn, bản, tổ nhân dân thực hiện theo Quyết định số 05 /2006/QĐ-UBND ngày 15/3/2006 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ công chức xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ. Chi hoạt động cho Đảng uỷ, HĐND, UBND và các đoàn thể khối xã, phường, thị trấn; chi hoạt động phí của HĐND xã và chi phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh tại các Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

7.2/ Định mức trên chưa bao gồm:

- Tiền lương và chế độ trợ cấp đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 119/2005/NĐ-CP ngày 27/9/2005 của Chính phủ;
- Định mức chi cho hoạt động thường xuyên của thôn, bản (mức 1,0 triệu đồng/ thôn/năm) ;
- Kinh phí để chi trả chế độ phụ cấp cho cán bộ dân quân tự vệ thực hiện theo Nghị định 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ;
- Kinh phí chi cho hoạt động của Ban thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn theo Thông tư liên tịch số 40/2006/TTLT-BTC-BTT UB TWMTTQVN-TLĐLĐVN ngày 12/5/2006 của Bộ Tài chính - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

B. Nhóm định mức phân bổ cho các hoạt động khác:

1- Định mức chi hỗ trợ các nghiệp vụ:

1.1/ Bổ sung nguồn thực hiện chi cho các hoạt động quản lý hành chính của các huyện, thị xã (Huyện uỷ, Thị uỷ và UBND huyện, thị xã) theo 02 mức như sau:

- Các huyện: Na Hang, Chiêm Hoá, Sơn Dương: 700,0 tr.đ/huyện/năm
- Các huyện: Hàm Yên, Yên Sơn và Thị xã Tuyên Quang : 600,0 triệu đồng/huyện/năm

1.2/ Bổ sung nguồn hỗ trợ thực hiện các hoạt động sự nghiệp:

- Bổ sung cho cấp huyện, thị xã : 500 triệu đồng/huyện, thị/năm
- Bổ sung cho cấp xã, phường, thị trấn (xã) : 3,0 tr.đ/xã/năm

2- Định mức phân bổ dự toán chi hỗ trợ xăng xe và sửa chữa nhỏ cho phương tiện xe ô tô công (ngoài định mức khoán chi nghiệp vụ):

- Đơn vị dự toán cấp tỉnh : 20,0 triệu đồng/01 xe/năm
- Đơn vị dự toán các huyện : 20,0 triệu đồng/01 xe/năm
- Đơn vị thuộc Thị xã Tuyên Quang : 15,0 triệu đồng/01 xe/năm.

3- Định mức phân bổ dự toán chi cho công tác an ninh - quốc phòng địa phương:

Căn cứ vào tình hình thực tế và nguồn ngân sách địa phương hàng năm, Sở Tài chính thống nhất với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh dự toán kinh phí, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh quyết định phân bổ chi lĩnh vực an ninh, quốc phòng cho cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã hàng năm theo các nhiệm vụ cụ thể thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương. Mức phân bổ hàng năm cho công tác an ninh, quốc phòng địa phương tối đa không quá 1,5% tổng chi thường xuyên ngân sách địa phương.

4- Định mức phân bổ dự phòng ngân sách địa phương:

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Từ 3-4% trên tổng số chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh.
- Đối với ngân sách huyện, thị xã: Bằng 3% trên tổng số chi thường xuyên ngân sách huyện, thị xã (không bao gồm ngân sách xã, phường, thị trấn).
- Đối với ngân sách xã, phường, thị trấn: Bằng 3% trên tổng số chi thường xuyên ngân sách xã, phường, thị trấn.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1- Dự toán chi ngân sách hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách của các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã được điều chỉnh, bổ sung hàng năm theo lộ trình cải cách tiền lương của Chính phủ.

2- Đối với các đơn vị dự toán cấp tỉnh và dự toán chi ngân sách các huyện, thị xã khi thực hiện định mức này mà dự toán chi thường xuyên năm 2007 thấp hơn dự toán chi thường xuyên năm 2006 đã được UBND tỉnh giao thì được bổ sung để bảo đảm không thấp hơn mức dự toán chi thường xuyên năm 2006.

3 . Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị dự toán thực hiện định mức này.

4. Các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán có trách nhiệm thực hiện nghiêm quy định này. Trường hợp vi phạm, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả gây ra sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Kế toán./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Châu Văn Lâm